TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 8 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Hiêng

Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Ngày 18 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/2024/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo", Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Lường Văn Q**; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản P1, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Bị đơn: **Chị Lò Thị M**; Nơi đăng ký thường trú: Bản P1, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay: Phường P2, Hện Q, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt có lý do (Có văn bản xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: anh Lường Văn Q và chị Lò Thị M kết hôn năm 2014 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, Hện Điện Biên, tỉnh Điện Biên nay là xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ với nhau, không còn cùng nhau vun vén kinh tế và xây dựng cuộc sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh Q đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Lường Tuấn H, sinh ngày 28/4/2012 và cháu Lường Bảo Ch, sinh ngày 04/5/2016. Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 12/5/2024 bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh Q kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Điện Biên Phủ. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn không thể hoá giải được nên đến tháng 11/2023 vợ chồng đã sống ly thân, đến nay không ai còn quan tâm đến ai nữa. Anh Q có đơn xin ly hôn tại Toà án thì tôi nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 (hai) con chung là cháu Lường Tuấn H, sinh ngày 28/4/2012 và cháu Lường Bảo Ch, sinh ngày 04/5/2016. Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung thì tôi cũng nhất trí vì hai con đang ở cùng anh Q.

Về tài sản và nợ: Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Do bận công việc ở xa nên chị M không thể về tham gia các phiên toà phiên họp nên có văn bản đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt chị. Chị M đã nhận được thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cùng đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn giao nộp tại Toà án. Chị M không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn anh Lường Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai anh đã trình bày. Bị đơn chị Lò Thị M có văn bản xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại Bản P1, xã P, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều luật áp dụng: Anh Q và chị M kết hôn vào ngày 01/4/2014 nên Toà án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem

xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để áp dụng giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên toà hôm nay, vắng mặt bị đơn nhưng bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Q và chị M kết hôn vào ngày 01/4/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, Hện Điện Biên, tỉnh Điện Biên trên tinh thần tự nguyên nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân trên là hợp pháp.

Theo trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn thừa nhận hai vợ chồng đến nay không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 11/2023, đến nay không còn ai quan tâm đến ai nữa. Lời khai của bị đơn cũng thống nhất với nguyên đơn về việc vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, hai người đã sống ly thân. Bị đơn cũng nhất trí ly hôn với nguyên đơn. Cả hai anh chị đã vi phạm nghĩa vụ của người vợ, người chồng, dẫn đến không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình với nhau quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Q, giải quyết cho ly hôn giữa anh Q và chị M.

[5.2] Về con chung:

Anh Q và chị M có 02 (hai) con chung là cháu Lường Tuấn H, sinh ngày 28/4/2012 và cháu Lường Bảo Ch, sinh ngày 04/5/2016. Anh Q có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con là chính đáng vì anh Q có chỗ ở, thu nhập ổn định được chính quyền địa phương xác nhận tại bản P1, xã P nên sẽ đảm bảo điều kiện tốt hơn so với chị M đang đi làm ăn xa. Nguyện vọng của anh Q cũng phù hợp với mong muốn của cháu H và ý kiến thống nhất của chị M nhất trí để hai con chung cho anh Q chăm sóc. Do đó, để duy trì sự ổn định về tâm sinh lý của trẻ nhỏ cũng như đảm bảo lợi ích cho các cháu nên nguyện vọng của anh Q là có cơ sở chấp nhận. Căn cứ vào Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của anh Q: giao cả hai cháu Lường Tuấn H, sinh ngày 28/4/2012 và cháu Lường Bảo Ch, sinh ngày 04/5/2016 cho anh Lường Văn Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Q không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5.3] Về tài sản: Về tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, nguyên đơn anh Lường Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Lường Văn Q được ly hôn với chị Lò Thị M.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung là cháu Lường Tuấn H, sinh ngày 28/4/2012 và cháu Lường Bảo Ch, sinh ngày 04/5/2016. Giao cả hai con chung là cháu Lường Tuấn H, sinh ngày 28/4/2012 và cháu Lường Bảo Ch, sinh ngày 04/5/2016 cho anh Lường Văn Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Toà án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Lường Văn Q phải chịu phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000956 ngày 03/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ. Anh Lường Văn Q đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/8/2024). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND xã P, tp. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thu Trà